

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Hà Nội, tháng 08 năm 2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 25



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Bà Trần Minh Anh	Chủ tịch
Ông Ngô Đức Lưu	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2015)
Ông Dương Công Hoàn	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 01/01/2015)
Ông Đinh Xuân Cẩm	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2015)
Ông Văn Quang Đức	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2015)
Bà Phan Thị Tố Oanh	Ủy viên
Ông Đỗ Ngọc Thạch	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Ông Ngô Đức Lưu	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2015)
Ông Dương Công Hoàn	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/01/2015)
Ông Đặng Phúc Tân	Phó giám đốc
Ông Nông Tuấn Dũng	Phó giám đốc (Đinh chi từ ngày 14/07/2015)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Ngô Đức Lưu  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2015



Số: 180/2015/AP - BCSX

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/06/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và thuyết minh báo cáo tài chính được lập ngày 13/08/2015 và được trình bày từ trang 4 đến trang 25 kèm theo (Sau đây gọi tắt là báo cáo tài chính bán niên 2015). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính bán niên 2015 này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính bán niên 2015 dựa trên việc soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào cho rằng báo cáo tài chính bán niên 2015 kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng tại ngày 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Vũ Bình Minh**  
Giám đốc  
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
0034-2013-148-1

**Ngô Việt Thanh**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
1687-2013-148-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ**

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2015



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

**MẪU SỐ B01a - DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>147.883.751.034</b>	<b>166.647.516.270</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>37.270.374.803</b>	<b>76.658.483.562</b>
1. Tiền	111		27.270.374.803	61.658.483.562
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	15.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>104.105.707.525</b>	<b>83.643.805.298</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	125.705.745.326	111.886.197.892
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.742.830.782	87.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	847.444.709	1.498.039.450
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(31.190.313.292)	(29.827.432.044)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>6.499.668.706</b>	<b>6.188.326.506</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.499.668.706	6.188.326.506
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.000.000</b>	<b>156.900.904</b>
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		8.000.000	156.900.904
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.213.183.538</b>	<b>5.487.933.832</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.131.284.475</b>	<b>4.406.034.769</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.951.284.475	4.226.034.769
- Nguyên giá	222		18.901.242.822	18.901.242.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.949.958.347)	(14.675.208.053)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	180.000.000	180.000.000
- Nguyên giá	228		315.000.000	315.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(135.000.000)	(135.000.000)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.081.899.063</b>	<b>1.081.899.063</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.081.899.063	1.081.899.063
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>153.096.934.572</b>	<b>172.135.450.102</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MÃ SỐ B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>67.598.737.862</b>	<b>85.498.041.182</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>65.544.137.862</b>	<b>83.343.941.182</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	54.973.960.736	71.172.935.444
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		192.605.042	147.245.468
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	2.794.165.812	3.691.631.797
4. Phải trả người lao động	314		2.774.039.265	4.770.550.170
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	761.198.245	3.230.563.220
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	4.048.168.762	331.015.083
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.054.600.000</b>	<b>2.154.100.000</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	15	2.054.600.000	2.154.100.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>85.498.196.710</b>	<b>86.637.408.920</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>85.498.196.710</b>	<b>86.637.408.920</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	16	60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	16	16.022.338.542	13.052.382.679
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	16	3.252.394.869	2.902.394.869
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	16	6.223.463.299	10.682.631.372
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.662.675.509	3.662.675.509
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.560.787.790	7.019.955.863
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>153.096.934.572</b>	<b>172.135.450.102</b>

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Người lập

Đặng Thành Công

Trưởng phòng  
Tài chính kế toán

Văn Quang Đức

Giám đốc



Ngô Đức Lưu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B02a- DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	số	minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	454.988.320.174	455.324.288.070
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	7.488.881.989	1.196.006.240
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		<b>447.499.438.185</b>	<b>454.128.281.830</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	19	432.488.725.045	432.140.076.772
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>15.010.713.140</b>	<b>21.988.205.058</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.677.484.372	1.304.105.554
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	21	6.695.586.961	11.333.582.834
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	7.362.583.831	8.410.779.438
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>2.630.026.720</b>	<b>3.547.948.340</b>
11. Thu nhập khác	31	22	718.345.549	9.333.861.791
12. Chi phí khác	32	23	43.311.000	7.064.779.776
13. <b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>675.034.549</b>	<b>2.269.082.015</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>3.305.061.269</b>	<b>5.817.030.355</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	744.273.479	1.298.226.678
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>2.560.787.790</b>	<b>4.518.803.677</b>
18. <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	14	<b>427</b>	<b>753</b>

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Người lập



Đặng Thành Công

Trưởng phòng  
Tài chính kế toán



Văn Quang Đức

Giám đốc



Ngô Đức Lưu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**MẪU SỐ B03a - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.305.061.269	5.817.030.355
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	274.750.294	327.951.816
- Các khoản dự phòng	03	1.362.881.248	2.487.781.033
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(726.077.172)	(1.304.105.554)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.216.615.639	7.328.657.650
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(21.674.025.298)	(13.784.827.556)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(311.342.200)	(90.403.134)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(21.115.116.799)	28.377.638.495
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	42.336.935
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(528.460.000)	(1.214.168.850)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(701.857.273)	(657.550.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>20</b>	<b>(40.114.185.931)</b>	<b>20.001.683.540</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	726.077.172	1.304.105.554
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>726.077.172</b>	<b>1.304.105.554</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(4.800.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(4.800.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(39.388.108.759)</b>	<b>16.505.789.094</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	76.658.483.562	92.975.213.944
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>37.270.374.803</b>	<b>109.481.003.038</b>

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Người lập

**Đặng Thành Công**

Trưởng phòng  
Tài chính kế toán

**Văn Quang Đức**



Giám đốc

**Ngô Đức Lưu**



## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Xi măng được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Vật tư Kỹ thuật xi măng thành công ty cổ phần theo Quyết định số 803/QĐ-BXD ngày 28 tháng 05 năm 2007 của Bộ Xây dựng. Vốn điều lệ của Công ty là 60 tỷ đồng, tương ứng với 6.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01000105694 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2/7/2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 01000105694 thay đổi lần 6 ngày 26/1/2015.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TMX.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2015 là 208 người.

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Đại lý du lịch;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Buôn bán thực phẩm.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ gia, bao bì (phục vụ sản xuất xi măng, dân dụng và công nghiệp);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện máy, điện lạnh, ô tô, xe máy, xe đạp;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ hoạt động**

Theo phương án tái cơ cấu Công ty cổ phần Vicem Thương mại Xi măng, Công ty đã ra quyết định giải thể một số Chi nhánh và văn phòng Đại diện, theo đó Chi nhánh số 1, Chi nhánh số 2, Chi nhánh số 3, Chi nhánh số 4, Chi nhánh số 5, Văn phòng đại diện tại Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Yên Bái và Lào Cai sẽ giải thể kể từ ngày 01/07/2015.



**Cấu trúc Công ty**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 348 Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.

<b>Đơn vị trực thuộc</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Chi nhánh Thái Nguyên	Số 56, Đường Phú Xá, Tổ 15, Phường Phú Xá, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	Bán xi măng

Trong 6 tháng đầu năm 2015, cấu trúc của Công ty bao gồm cả các Chi nhánh, Văn phòng đại diện sẽ bị giải thể từ ngày 01/07/2015.

**Áp dụng chế độ kế toán mới**

Từ ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 có thể không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành và theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 8
Thiết bị quản lý	3 - 6

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với công ty bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.957.335.000	2.394.320.700
Tiền gửi ngân hàng	25.193.039.803	59.264.162.862
Tiền đang chuyển	120.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	15.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>37.270.374.803</u></b>	<b><u>76.658.483.562</u></b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng theo các hợp đồng ủy thác quản lý vốn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
Cửa hàng số 11 - Yên Viên	3.263.090.517	662.487.494
Cửa hàng số 23 - Trương Mai	3.051.869.072	3.253.319.071
Cửa hàng số 50 - Phú Thị	2.794.118.440	1.407.514.540
Cửa hàng số 55 - Cổ Loa	5.999.804.939	5.896.636.484
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Xây dựng Thành Nam	4.341.861.805	3.313.809.575
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Quang Vinh	2.080.455.308	2.014.719.638
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Xây dựng Nhật Anh	2.874.196.830	2.891.050.590
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Vận tải An Châu	4.706.837.123	913.904.778
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Anh	1.492.277.433	157.488.100
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Lâm	1.983.055.721	3.141.713.494
Công ty Cổ phần Thương mại Gia Tùng	1.501.861.600	-
Công ty TNHH Trọng Vinh	2.117.658.400	-
Công ty TNHH Ly Tùng	4.654.435.081	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Vận tải Đức Mạnh	4.684.106.790	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải Hải Anh	4.517.546.700	-
Hợp tác xã Bảy Dư	1.260.751.167	-
Các đối tượng khác	74.381.818.400	88.233.554.128
<b>Cộng</b>	<b><u>125.705.745.326</u></b>	<b><u>111.886.197.892</u></b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/06/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về khuyến mại của Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	241.039.016	-	904.979.230	-
- Phải thu thuế Thu nhập cá nhân	212.005.551	-	109.165.964	-
- Phải thu khác	394.400.142	-	483.894.256	-
<b>Cộng</b>	<b><u>847.444.709</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.498.039.450</u></b>	<b><u>-</u></b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/06/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	6.108.117.930	-	5.850.722.830	-
Hàng hoá	391.550.776	-	337.603.676	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.499.668.706</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>6.188.326.506</u></b>	<b><u>-</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**8. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Khách hàng	Tại ngày 01/01/2015		
	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND
Cửa hàng 65 - Gia Lâm	5.183.454.449	2.591.727.224	2.591.727.225
Cửa hàng 80 - Tiêu Kỳ	3.640.594.129	1.820.297.066	1.820.297.063
Công ty TNHH MTV Thành An	2.430.031.154	729.009.346	1.701.021.808
Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu mới Á Âu	7.517.003.850	-	7.517.003.850
Các khách hàng khác	23.527.492.384	7.330.110.286	16.197.382.098
<b>Cộng</b>	<b>42.298.575.966</b>	<b>12.471.143.922</b>	<b>29.827.432.044</b>

Khách hàng	Tại ngày 30/06/2015		
	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND
Cửa hàng 65 - Gia Lâm	5.183.454.449	2.591.727.224	2.591.727.225
Cửa hàng 80 - Tiêu Kỳ	3.540.594.029	1.770.297.014	1.770.297.015
Công ty TNHH MTV Thành An	2.430.031.154	729.009.346	1.701.021.808
Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu mới Á Âu	7.517.003.850	-	7.517.003.850
Các khách hàng khác	21.924.793.346	4.314.529.952	17.610.263.394
<b>Cộng</b>	<b>40.595.876.828</b>	<b>9.405.563.536</b>	<b>31.190.313.292</b>

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	16.898.771.765	1.825.067.281	177.403.776	18.901.242.822
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	16.898.771.765	1.825.067.281	177.403.776	18.901.242.822
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	13.018.622.952	1.479.181.339	177.403.762	14.675.208.053
Khấu hao trong kỳ	216.210.902	58.539.378	14	274.750.294
Tại ngày 30/06/2015	13.234.833.854	1.537.720.717	177.403.776	14.949.958.347
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2015	3.880.148.813	345.885.942	14	4.226.034.769
Tại ngày 30/06/2015	3.663.937.911	287.346.564	-	3.951.284.475

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng: 6.585.810.223 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	180.000.000	135.000.000	315.000.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	180.000.000	135.000.000	315.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	-	135.000.000	135.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	-	135.000.000	135.000.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2015	180.000.000	-	180.000.000
Tại ngày 30/06/2015	180.000.000	-	180.000.000

Nguyên giá của TSCĐ vô hình hết khấu hao vẫn sử dụng: 135.000.000 đồng.

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dự án chung cư cao tầng Giáp Nhị (1)	881.899.063	881.899.063
Dự án khu nhà ở tại Vĩnh Tuy (2)	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.081.899.063</b>	<b>1.081.899.063</b>

(1) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 268/2010/HĐHTKD giữa Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà về việc các bên thỏa thuận hợp tác để thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư, xin chuyển đổi mục đích sử dụng của 7.804,7m<sup>2</sup> đất và đầu tư xây dựng kinh doanh khu chung cư cao tầng Giáp Nhị kết hợp trung tâm thương mại dịch vụ tại ngõ số 1, Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

(2) Theo Hợp đồng Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình số 192/2011/TMXM - QLDA ngày 26/02/2011, Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam (CDC) đã thống nhất việc lập dự án Đầu tư xây dựng khu nhà ở kết hợp trung tâm thương mại dịch vụ tại Vĩnh Tuy. Tuy nhiên, UBND Quận Hai Bà Trưng không đồng ý xây dựng chung cư cao tầng, chỉ chấp nhận chuyển đổi khu đất sang xây dựng công trình dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc với quy mô thấp tầng.

Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 209/BB-HĐQT ngày 03/04/2013, Công ty đã quyết định tạm dừng đầu tư 02 dự án nêu trên trong thời gian 3 năm. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này 02 dự án trên vẫn chưa được Công ty tiếp tục đầu tư triển khai thực hiện.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09a - DN

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	50.771.188.559	50.771.188.559	54.034.862.862	54.034.862.862
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	-	-	10.827.681.432	10.827.681.432
Phải trả cho các đối tượng khác	4.202.772.177	4.202.772.177	6.310.391.150	6.310.391.150
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>				
<b>Cộng</b>	<b>54.973.960.736</b>	<b>54.973.960.736</b>	<b>71.172.935.444</b>	<b>71.172.935.444</b>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	444.684.005	444.684.005	226.312.164	226.312.164
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	50.771.188.559	50.771.188.559	54.034.862.862	54.034.862.862
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	803.238.622	803.238.622	2.040.844.321	2.040.844.321
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	-	-	10.827.681.432	10.827.681.432
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	217.145.732	217.145.732	1.290.429.432	1.290.429.432
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	-	-	200.000.000	200.000.000

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015		30/06/2015	
	Thuế và các khoản phải thu nhà nước VND	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	805.417.199	1.603.117.631	1.742.370.247
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	309.202.943	744.273.479	528.460.000
Thuế thu nhập cá nhân	156.900.904	-	191.200.017	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	2.577.011.655	539.337.165	1.547.663.126
Thuế môn bài	-	-	65.000.000	73.000.000
<b>Cộng</b>	<b>156.900.904</b>	<b>3.691.631.797</b>	<b>3.142.928.292</b>	<b>3.891.493.373</b>
Thuế và các khoản phải thu nhà nước VND				
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước VND				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra				666.164.583
Thuế thu nhập doanh nghiệp				525.016.422
Thuế thu nhập cá nhân				34.299.113
Thuế nhà đất, tiền thuế đất				1.568.685.694
Thuế môn bài			8.000.000	-
<b>Cộng</b>			<b>8.000.000</b>	<b>2.794.165.812</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Trích trước chi phí bán hàng	246.395.991	930.575.344
Trích trước chi phí thường tiêu thụ xi măng Bút Sơn năm 2014	-	1.479.952.000
Các khoản trích trước khác	514.802.254	820.035.876
<b>Cộng</b>	<u><u>761.198.245</u></u>	<u><u>3.230.563.220</u></u>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Bảo hiểm xã hội	327.305.372	119.541.019
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.414.301.390	149.375.740
Các khoản phải trả, phải nộp khác	306.562.000	62.098.324
<b>Cộng</b>	<u><u>4.048.168.762</u></u>	<u><u>331.015.083</u></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.054.600.000	2.154.100.000
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B09a - DN

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</b>	<b>LNST chưa phân phối</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>11.876.276.130</b>	<b>2.556.494.869</b>	<b>10.580.582.058</b>
Lãi trong năm	-	-	-	7.019.955.863
Phân phối lợi nhuận	-	1.176.106.549	345.900.000	(6.917.906.549)
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>13.052.382.679</b>	<b>2.902.394.869</b>	<b>10.682.631.372</b>
Lãi trong kỳ	-	-	-	2.560.787.790
Phân phối lợi nhuận	-	2.969.955.863	350.000.000	(7.019.955.863)
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>16.022.338.542</b>	<b>3.252.394.869</b>	<b>6.223.463.299</b>

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết số 369/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, theo đó:

- Chi trả cổ tức (5% lợi nhuận sau thuế): 3.000.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 2.969.955.863
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5% lợi nhuận sau thuế): 350.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% lợi nhuận sau thuế): 350.000.000
- Trích quỹ thường ban điều hành: 350.000.000

**Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu**

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	35.786.140.000	35.786.140.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24.213.860.000	24.213.860.000
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		-
- Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.019.955.863	6.917.906.549

**Cổ phiếu**

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

**Cổ tức****Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:**

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	3.000.000.000
---	---------------

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.560.787.790	4.518.803.677
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.560.787.790	4.518.803.677
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>427</b>	<b>753</b>

**17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>	<b>30/06/2015 VND</b>	<b>01/01/2015 VND</b>
Nguyễn Văn Chuyển - Cửa hàng số 89 Thanh Xuân (*)	6.011.900	6.011.900
Vũ Quang Đăng - Cửa hàng số 94 Chùa Thông (*)	27.530.000	27.530.000
Đại lý 209 Minh Khai (**)	8.032.550	8.032.550
Đại lý 306 Hồ Tùng Mậu (**)	30.900.000	30.900.000
Công ty CP PTXD & TM Thuận An (**)	7.200.000	7.200.000

(\*) : Các khách hàng nợ đã mất

(\*\*) : Các khách hàng vỡ nợ, Công ty đánh giá không thu hồi được nợ



**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	450.967.870.171	451.308.400.870
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.020.450.003	4.015.887.200
<b>Cộng</b>	<b><u>454.988.320.174</u></b>	<b><u>455.324.288.070</u></b>

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	7.488.881.989	1.196.006.240

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	429.860.496.015	428.322.390.081
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.628.229.030	3.817.686.691
<b>Cộng</b>	<b><u>432.488.725.045</u></b>	<b><u>432.140.076.772</u></b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	726.077.172	1.304.105.554
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	951.407.200	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.677.484.372</u></b>	<b><u>1.304.105.554</u></b>

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>7.362.583.831</b>	<b>8.410.779.438</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.273.702.110	3.299.266.796
Dự phòng phải thu khó đòi	1.362.881.248	2.685.612.043
Các khoản chi phí QLDN khác	2.726.000.473	2.425.900.599
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>6.695.586.961</b>	<b>11.333.582.834</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	4.311.975.804	3.708.517.486
Chi phí khoán bán hàng	1.151.488.107	2.181.401.936
Chi phí bốc xếp	-	2.551.266.700
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.232.123.050	2.892.396.712
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Nhận khuyến mãi, hỗ trợ từ các nhà máy xi măng	330.967.951	7.015.527.776
Thu tiền lãi trả chậm	189.703.940	405.005.750
Các khoản khác	197.673.658	1.913.328.265
<b>Cộng</b>	<b><u>718.345.549</u></b>	<b><u>9.333.861.791</u></b>

**23. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Chi phí khuyến mãi, hỗ trợ cho khách hàng	37.695.000	7.015.527.776
Các khoản khác	5.616.000	49.252.000
<b>Cộng</b>	<b><u>43.311.000</u></b>	<b><u>7.064.779.776</u></b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	744.273.479	1.298.226.678
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	744.273.479	1.298.226.678

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	360.310.453	1.046.999.792
Chi phí nhân công	9.595.902.914	9.015.727.882
Chi phí khấu hao tài sản cố định	274.750.294	327.951.816
Dự phòng công nợ phải thu khó đòi	1.362.881.248	2.685.612.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.939.882.582	17.350.172.681
Chi phí khác bằng tiền	2.149.014.755	2.546.033.848
<b>Cộng</b>	<b><u>27.682.742.246</u></b>	<b><u>32.972.498.062</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Giao dịch với các bên liên quan như sau**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	268.396.580.272	284.674.250.188
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	6.677.098.519	11.465.894.083
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	128.527.038.375	109.356.936.232
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	3.430.947.727	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	10.842.469.356	5.760.442.727
<b>Phí tư vấn</b>		
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	358.803.641	364.105.803
<b>Nhận hàng khuyến mại, hỗ trợ</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	127.636.315	12.780.590.810
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	89.827.872	758.569.748
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	134.269.364	1.509.177.000
<b>Chi trả cổ tức</b>		
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	-	2.862.891.200
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
<i>Chiết khấu thanh toán được hưởng:</i>		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	935.914.700	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	15.492.500	-
<b>Thu nhập của Ban giám đốc và HĐQT</b>	<b>948.636.200</b>	<b>844.262.400</b>

**Số dư với các bên liên quan**

	<u>30/06/2015</u> VND	<u>01/01/2015</u> VND
<b>Phải trả</b>		
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	444.684.005	226.312.164
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	50.771.188.559	54.034.862.862
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	803.238.622	2.040.844.321
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	-	10.827.681.432
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	217.145.732	1.290.429.432
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	-	200.000.000
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	241.039.016	-
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	7.372.474.982	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	1.041.450.000	-

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH*****Quản lý rủi ro vốn***

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản phải trả trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ 30/06/2015</b>	<b>Giá trị ghi sổ 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.270.374.803	76.658.483.562
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.362.876.743	83.556.805.298
<b>Cộng</b>	<b>132.633.251.546</b>	<b>160.215.288.860</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	60.749.424.126	73.538.509.508
Chi phí phải trả	761.198.245	3.230.563.220
<b>Cộng</b>	<b>61.510.622.371</b>	<b>76.769.072.728</b>

Ngoài việc thực hiện các biện pháp dự phòng rủi ro theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính đối với các khoản phải thu khó đòi, các khoản đầu tư bị tổn thất, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị của dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động về giá trên thị trường. Rủi ro thị trường bị ảnh hưởng bởi các loại: Rủi ro tỷ giá ngoại tệ, rủi ro giá cả khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá trên thị trường.

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2015 là 31.190.313.292 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 29.827.432.044 đồng).



**Rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được tương ứng với nguồn vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh (bao gồm cả gốc và lãi) và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận và được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại 30/06/2015</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	60.749.424.126	-	60.749.424.126
Chi phí phải trả	761.198.245	-	761.198.245
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	73.538.509.508	-	73.538.509.508
Chi phí phải trả	3.230.563.220	-	3.230.563.220

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính (bao gồm cả lãi từ các tài sản đó, nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại 30/06/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.270.374.803	-	37.270.374.803
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.362.876.743	-	95.362.876.743
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.658.483.562	-	76.658.483.562
Phải thu khách hàng và phải thu khác	83.556.805.298	-	83.556.805.298

Hiện tại, Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tất cả các tài sản tài chính và công nợ tài chính của mình do đang chờ Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn việc xác định và trình bày giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 có thể không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bảng cân đối kế toán	Mã số	31/12/2014	01/01/2015	Ảnh hưởng
		VND	VND	VND
<b>Tài sản ngắn hạn</b>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.254.439.450	1.498.039.450	243.600.000
Tài sản ngắn hạn khác	155	243.600.000	-	(243.600.000)
<b>Tài sản dài hạn</b>				
Tài sản cố định	220	5.487.933.832	4.406.034.769	(1.081.899.063)
Tài sản dở dang dài hạn	240	-	1.081.899.063	1.081.899.063
<b>Cộng</b>		<b>6.985.973.282</b>	<b>6.985.973.282</b>	<b>-</b>
<b>Nguồn vốn</b>				
Quỹ đầu tư phát triển	417	10.145.619.323	13.052.382.679	2.906.763.356
Quỹ dự phòng tài chính	418	2.906.763.356	-	(2.906.763.356)
<b>Cộng</b>		<b>13.052.382.679</b>	<b>13.052.382.679</b>	<b>-</b>
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>	<b>Mã số</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ so sánh</b>	<b>Ảnh hưởng</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	28.287.638.495	28.377.638.495	90.000.000
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	110.000.000	-	(110.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(677.550.000)	(657.550.000)	20.000.000
<b>Cộng</b>		<b>27.720.088.495</b>	<b>27.720.088.495</b>	<b>-</b>

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Người lập



Đặng Thành Công

Trưởng phòng  
Tài chính kế toán


Văn Quang Đức

Giám đốc



Ngô Đức Lưu



Số: **912**/TMXM-TCKT

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2015

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2015 so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng xin được giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2015 so với cùng kỳ năm trước như sau:

**1. Số liệu:**

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014	Chênh lệch giảm	So sánh Giảm
Lợi nhuận sau thuế	2.560.787.790	4.518.803.677	1.958.015.887	43,33%

**2. Nguyên nhân chênh lệch:**

Lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2015 giảm 1.958.015.887 đồng, tương ứng giảm 43,33% so với 6 tháng đầu năm 2014 do một số nguyên nhân như sau:

- Chiết khấu thương mại, chiết khấu giảm giá 6 tháng đầu năm 2015 tăng so với cùng kỳ năm 2014 do nguyên nhân thị trường xi măng tại các địa bàn của Công ty gặp nhiều khó khăn như: nhu cầu tiêu thụ xi măng giảm mạnh và luôn diễn ra sự cạnh tranh gay gắt của các chủng loại xi măng, để bán hàng Công ty đã tăng chiết khấu thương mại, chiết khấu giảm giá cho các đại lý, khách hàng của Công ty.

- Chi phí quản lý tăng do một số nhân viên xin chấm dứt hợp đồng lao động trong 6 tháng đầu năm 2015 nên chi phí trợ cấp mất việc làm tăng đột biến so với cùng kỳ năm trước.

- Lợi nhuận khác 6 tháng đầu năm 2015 giảm khoảng 1,6 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do một số khoản lãi phạt chậm tiền mua xi măng của các năm trước, Công ty đã hạch toán phải trả nhưng do khách hàng không thu, nên Công ty đã hạch toán tăng thu nhập khác vào 6 tháng đầu năm 2014.

Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng xin cam đoan những giải trình nêu trên là hoàn toàn đúng, phù hợp với thực tế phát sinh tại Công ty.

Kính báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội các số liệu giải trình trên.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, Ban KS;
- TCKT, Thư ký Cty;
- Lưu Văn thư.



**GIÁM ĐỐC**

**Ngô Đức Lưu**

Số: **911** /TMXM-TCKT

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2015

V/v Công bố thông tin

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015.

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Vicem Thương mại Xi măng.
2. Mã chứng khoán: TMX.
3. Trụ sở chính: Số 348 đường Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.
4. Điện thoại: 0438643340 Số Fax: 0438642586
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lê Kim Phương.
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Phú ngày 13 tháng 8 năm 2015.

6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch 10% LNST so với cùng kỳ năm trước) kèm theo văn bản giải trình.


7. Địa chỉ đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015: [www.cement-t.com.vn](http://www.cement-t.com.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Xin trân trọng cảm ơn!

**GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TCKT, Thư ký Cty;
- Lưu Văn thư: 



**Ngô Đức Lưu**